TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Hồ Lệ Hoa
Bà Huỳnh Tố Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)
Số căn cước công dân 096193014019 cấp ngày 23/3/2026.
Địa chỉ: Ấp KN, xã TL, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Đặng Trung K, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp KN, xã TL, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày của bà Nguyễn Thị N tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Trung K tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2013 tại UBND xã TLB, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Trung K có 01 người con chung tên Đặng Yến N, sinh ngày 23/02/2014 (giới tính nữ) hiên do bà N nuôi dạy. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng đến khi con chung 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông Đặng Trung K tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Trung K. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Đặng Trung K có nơi cư trú tại ấp Kênh Ngang, xã Tân Lộc, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Đặng Trung K đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do, bà Nguyễn Thị N xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, xét xử vắng mặt bà N và ông K theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Trung K tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2013 tại UBND xã TLB. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông K. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà N xác định không còn tình cảm với ông K, ông bà không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông K vắng mặt không có lí do, cho thấy ông K không có thiện chí đoàn tụ với bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Trung K được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Trung K có 01 người con chung tên Đặng Yến N, sinh ngày 23/02/2014 (giới tính nữ) hiện do bà N nuôi dạy. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng đến khi con chung 18 tuổi. Xét thấy, bà N là người trực tiếp nuôi dạy con chung nên đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N có có căn cứ chấp nhận, nhưng bà N yêu cầu cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng là cao so với mức quy định, mức cấp dưỡng vùng hiện hành là 3.700.000 đồng/tháng, cần buộc ông Đặng Trung K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con theo ½ mức cấp dưỡng tối thiểu vùng 1.850.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông Đặng Trung K tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không có. Quá trình giải quyết vụ án, không có ai đặt ra yêu cầu gì về nợ đối với ông bà nên không xem xét là phù hợp.

[3] Các vấn đề khác: Trường hợp ông Đặng Trung K chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm; ông Đặng Trung K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc ly hôn đối với ông Đặng Trung K.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Trung K được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Đặng Yến N, sinh ngày 23/02/2014 (giới tính nữ) cho bà Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dạy. Buộc ông Đặng Trung K phải cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.850.000 đồng/tháng/cháu; phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Đặng Trung K chậm thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nói trên cho bà N, thì ông K phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông Đặng Trung K tự thỏa thuận phân chia nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Bà Nguyễn Thị N xác định bà và ông Đặng Trung K không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Đặng Trung K phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng).*

Vào ngày 18 tháng 5 năm 2026, bà Nguyễn Thị N có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0006243 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ và chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36 và 71, 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh